

UBND THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
BAN TỔ CHỨC CUỘC THI VIẾT
“TÌM HIỂU BỘ LUẬT LAO ĐỘNG
NĂM 2012, LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI
NĂM 2014”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phủ Lý, ngày 04 tháng 6 năm 2019

Số: 590/TL-BTC

THẺ LỆ

**Cuộc thi viết “Tìm hiểu Bộ luật Lao động năm 2012,
Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014” trên địa bàn thành phố Phủ Lý**

Thực hiện Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 03/4/2019 của UBND thành phố Phủ Lý về tổ chức cuộc thi viết “Tìm hiểu Bộ luật Lao động năm 2012, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014” trên địa bàn thành phố Phủ Lý; Quyết định số 1386/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của UBND thành phố Phủ Lý về việc thành lập Ban Tổ chức và Tổ thư ký giúp việc Ban Tổ chức cuộc thi viết “Tìm hiểu Bộ luật Lao động năm 2012, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014” trên địa bàn thành phố Phủ Lý.

Ban Tổ chức cuộc thi ban hành Thẻ lệ cuộc thi viết “Tìm hiểu Bộ luật Lao động năm 2012, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014” như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG DỰ THI:

Công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên đang sống và làm việc trên địa bàn thành phố Phủ Lý (trừ thành viên Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ giúp việc và những cán bộ trực tiếp tham gia vào quá trình tổ chức cuộc thi).

II. NỘI DUNG THI: Tìm hiểu về các quy định của Bộ luật Lao động năm 2012, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

III. HÌNH THỨC THI, NỘI DUNG CÂU HỎI

1. Hình thức thi

Cuộc thi được tổ chức theo hình thức thi viết bằng tiếng Việt, gồm 03 phần:

- **Phần 1:** Trắc nghiệm kiến thức (gồm 30 câu).
- **Phần 2:** Xử lý tình huống (01 câu).
- **Phần 3:** Tự luận (01 câu).

2. Nội dung câu hỏi: Được đính kèm theo Thẻ lệ cuộc thi.

IV. CÁCH TÍNH ĐIỂM: Tổng số điểm thi là 100 điểm, cụ thể như sau:

1. Phần thi trắc nghiệm (lựa chọn đáp án đúng và giải thích): 60 điểm

- Người dự thi trả lời 30 câu hỏi bằng cách lựa chọn đáp án đúng và đưa ra cơ sở pháp lý chứng minh.

- Điểm tối đa của mỗi câu được 02 điểm, trong đó:

+ Trả lời đúng đáp án: 01 điểm.

+ Giải thích: Nêu đúng cơ sở pháp lý (điều, khoản, điểm) của Bộ luật Lao động năm 2012, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014: 01 điểm.

2. Phần thi xử lý tình huống: 20 điểm

Người dự thi trả lời các nội dung câu hỏi đặt ra, có nêu đúng cơ sở pháp lý (điều, khoản, điểm) của Bộ luật Lao động năm 2012, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 và các quy định khác có liên quan; đưa ra lập luận phân tích, đánh giá.

3. Phần thi tự luận: 10 điểm

Người dự thi trả lời câu hỏi do Ban Tổ chức đưa ra, có số liệu chứng minh và lập luận giải thích.

4. Điểm trình bày: Tối đa 10 điểm

Cộng điểm trình bày cho các bài dự thi viết tay, có sáng tạo, hình ảnh minh họa, tư liệu phong phú, đóng bìa và trình bày đẹp.

V. YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI THI

1. Yêu cầu về nội dung

Đúng, đủ nội dung quy định; nội dung bài dự thi không được sao chép lại của người khác dưới mọi hình thức; nếu trích dẫn nội dung, hình ảnh, tư liệu để minh họa phải có chú thích rõ ràng.

Nghiêm cấm các trường hợp lợi dụng bài dự thi để vu khống, bịa đặt, xuyên tạc, chống phá Đảng và Nhà nước Việt Nam; vi phạm đạo đức, thuần phong, mỹ tục và các vi phạm pháp luật khác.

Trường hợp vi phạm các quy định trên sẽ bị hủy bài thi hoặc hủy giải thưởng.

2. Yêu cầu về hình thức

Bài dự thi được thực hiện bằng tiếng Việt, viết tay hoặc đánh máy trên giấy A4; đánh số trang theo thứ tự và đóng lại thành quyển. Trang bìa bài dự thi ghi rõ họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; địa chỉ (*nơi thường trú-nếu người dự thi là người dân; đơn vị công tác-nếu người dự thi là cán bộ, công chức, viên chức...; trường học-nếu người dự thi là học sinh, sinh viên*) của người dự thi. Nếu gửi bài dự thi qua dịch vụ chuyển thư, ngoài phong bì của bài dự thi ghi rõ: “Dự thi tìm hiểu Bộ luật Lao động năm 2012, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014”.

3. Số lượng bài dự thi

Mỗi cá nhân chỉ được tham gia 01 bài dự thi.

4. Bài dự thi hợp lệ phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Đảm bảo đầy đủ các yêu cầu đối với bài dự thi theo quy định tại **khoản 1, 2** nêu trên.

- Nội dung từng phần thi phải thực hiện đúng theo quy định tại **mục IV**.

- Thời gian gửi bài dự thi đến Ban tổ chức cuộc thi đảm bảo đúng quy định.

5. Bài dự thi không hợp lệ: Là những bài không đáp ứng một hoặc các yêu cầu của bài dự thi hợp lệ theo quy định tại **khoản 4** mục này:

- Bài dự thi là bản photocopy.

- Bài dự thi gửi chậm so với thời gian quy định.

- Bài dự thi không ghi rõ họ tên, địa chỉ đơn vị của người dự thi.

- Bài dự thi có nội dung trả lời xử lý tình huống và/hoặc tự luận giống hệt nhau.

6. Lưu giữ các bài dự thi

- Các phòng, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân phường, xã, doanh nghiệp, trường học... tập hợp các bài dự thi và gửi về Ban tổ chức cuộc thi (qua Phòng Tư pháp).

- Phòng Tư pháp lưu giữ các bài dự thi theo quy định.

VI. PHẠM VI, THỜI GIAN TỔ CHỨC CUỘC THI, ĐỊA CHỈ NHẬN BÀI DỰ THI

1. Phạm vi tổ chức cuộc thi

Cuộc thi viết “Tìm hiểu Bộ luật Lao động năm 2012, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014” được tổ chức trên phạm vi toàn thành phố Phủ Lý.

2. Thời gian phát động, tổng kết, gửi bài, nhận bài dự thi, địa chỉ nhận bài dự thi

2.1. Thời gian phát động, tổng kết cuộc thi

- Tổ chức Hội nghị phát động cuộc thi “Tìm hiểu Bộ luật Lao động năm 2012, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014” trước ngày 15/6/2019.

- Tổng kết và trao giải cuộc thi trước ngày 11/11/2019.

3. Hình thức khen thưởng khác

Ban Tổ chức cuộc thi thành phố tặng **05** giải phong trào cho các tập thể là các cơ quan, đơn vị có thành tích trong tổ chức, phát động tham gia hưởng ứng cuộc thi trên cơ sở các tiêu chí:

- + Chỉ đạo triển khai tốt cuộc thi, có nhiều bài tham gia dự thi;
- + Điểm trung bình các bài dự thi cao nhất;
- + Có bài dự thi của cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức tham gia dự thi đạt một trong các giải cá nhân...

Giải thưởng: 500.000đ/giải

4. Nguồn kinh phí

Kinh phí chi giải thưởng từ nguồn ngân sách nhà nước.

Trên đây là Thể lệ cuộc thi viết “Tìm hiểu Bộ luật Lao động năm 2012, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014” trên địa bàn thành phố Phủ Lý! *PR*

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp;
- TT Thành ủy-HĐND thành phố;
- Lãnh đạo UBND thành phố;
- Các phòng, ban, MTTQ và các đoàn thể thành phố;
- UBND phường, xã;
- Các Trường học, Doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố;
- Thành viên BTC và Tổ Thư ký giúp việc BTC cuộc thi thành phố;
- Lưu: VT, BTC.

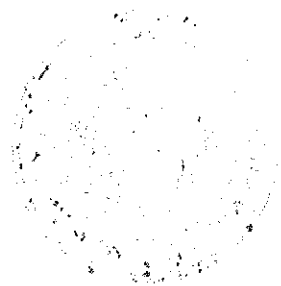
TM. BAN TỔ CHỨC CUỘC THI

TRƯỞNG BAN



PHÓ CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ

Lê Văn Dũng



BỘ CÂU HỎI CUỘC THI VIẾT
“TÌM HIỂU BỘ LUẬT LAO ĐỘNG NĂM 2012, LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI
NĂM 2014” TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
(Kèm theo Thẻ lệ số 54/VTL-BTC ngày 04/6/2019 của Ban Tổ chức cuộc thi)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (có 30 câu hỏi)

(Lựa chọn đáp án đúng và đưa ra cơ sở pháp lý chứng minh.

- Mỗi câu trả lời đúng, đủ được 02 điểm, trong đó:

+ Trả lời đúng đáp án: 01 điểm.

+ Nêu đúng cơ sở pháp lý (điều, khoản, điểm) của Bộ luật Lao động năm 2012, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014: 01 điểm).

A. NỘI DUNG TÌM HIỂU VỀ BỘ LUẬT LAO ĐỘNG NĂM 2012

Câu 1. Việc làm là gì?

- A. Là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà không bị pháp luật cấm.
- B. Là một hoạt động được thực hiện thường xuyên để đổi lấy tiền công.
- C. Là bất cứ hoạt động tạo ra thu nhập trên cơ sở hợp đồng lao động.

Câu 2. Quyền làm việc của người lao động được quy định như thế nào trong Bộ luật Lao động 2012?

- A. Người lao động được làm việc cho bất kỳ người sử dụng lao động nào và ở bất kỳ nơi nào mà pháp luật không cấm.
- B. Người lao động được quyền làm việc cho bất kỳ người sử dụng lao động nào và ở bất kỳ nơi nào theo hợp đồng lao động.
- C. Người lao động chỉ được làm việc theo hợp đồng lao động ở nơi nào mà pháp luật cho phép.

Câu 3. Hợp đồng lao động là gì?

- A. Là thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về tiền lương, tiền công trong quan hệ lao động.
- B. Là sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về công việc, tiền lương, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.
- C. Là sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả lương, điều kiện làm việc, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động.

Câu 4. Các hình thức hợp đồng lao động?

- A. Hình thức hợp đồng lao động bằng văn bản.
- B. Hình thức hợp đồng lao động bằng lời nói.
- C. Hình thức hợp đồng lao động là do hai bên thỏa thuận.
- D. Cả A và B đều đúng.

Câu 5. Nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động?

- A. Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực.
- B. Tự do giao kết hợp đồng lao động nhưng không được trái pháp luật, thỏa ước lao động tập thể và đạo đức xã hội.
- C. Cả A và B đều đúng.
- D. Tự do, bình đẳng, tự nguyện và không trái pháp luật.

Câu 6. Hợp đồng lao động có hiệu lực khi nào?

- A. Hợp đồng lao động có hiệu lực kể từ ngày các bên giao kết trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.
- B. Kể từ ngày hai bên thỏa thuận.
- C. Kể từ ngày người lao động bắt đầu làm việc.
- D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 7. Trong thời gian thử việc người lao động được trả lương như thế nào?

- A. Mức lương cơ bản.
- B. Mức lương do hai bên thỏa thuận.
- C. Do hai bên thỏa thuận nhưng ít nhất phải bằng 85% mức lương của công việc đó.
- D. Ít nhất 85% tiền lương của công việc đó.

Câu 8. Trường hợp nào sau đây người lao động được tạm hoãn hợp đồng lao động?

- A. Người lao động đi làm nghĩa vụ quân sự.
- B. Người lao động bị tạm giữ, tạm giam theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.
- C. Người lao động phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc.
- D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 9. Người lao động, người sử dụng lao động được chấm dứt hợp đồng lao động trong trường hợp nào?

- A. Hết hạn hợp đồng lao động, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 192 của Bộ luật lao động 2012.

- B. Đã hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động.
- C. Hai bên thoả thuận chấm dứt hợp đồng lao động.
- D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 10. Trường hợp nào sau đây người sử dụng lao động được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động?

- A. Người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động.
- B. Người lao động không có mặt tại nơi làm việc sau thời hạn tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động theo quy định.
- C. Người lao động đi làm nghĩa vụ quân sự.
- D. Cả A và B đều đúng.

Câu 11. Tiền lương là gì?

- A. Tiền lương là khoản tiền mà người sử dụng lao động trả cho người lao động để thực hiện công việc theo thỏa thuận.
- B. Tiền lương là khoản tiền mà người lao động nhận được khi họ đã hoàn thành hoặc sẽ hoàn thành một công việc nào đó, mà công việc đó không bị pháp luật ngăn cấm.
- C. Tiền lương là số tiền trả cho người lao động để sử dụng sức lực và trí lực của người đó vào quá trình sản xuất.

Câu 12. Thời giờ làm việc bình thường được quy định như thế nào?

- A. Không quá 08 giờ trong 01 ngày và 48 giờ trong 01 tuần.
- B. Người sử dụng lao động có quyền quy định làm việc theo giờ hoặc ngày hoặc tuần; trường hợp theo tuần thì thời giờ làm việc bình thường không quá 10 giờ trong 01 ngày, nhưng không quá 48 giờ trong 01 tuần.
- C. Thời giờ làm việc không quá 06 giờ trong 01 ngày đối với những người làm các công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Bộ Y tế ban hành.
- D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 13. Người lao động làm việc trong khoảng thời gian nào sau đây thì được coi là làm việc vào ban đêm?

- A. Từ 22 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau.
- B. Từ 21 giờ đến 05 giờ sáng ngày hôm sau.
- C. Từ 20 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau.

Câu 14. Người sử dụng lao động không được xử lý kỷ luật lao động đối với người lao động trong những trường hợp nào sau đây?

- A. Nghỉ ốm đau, điều dưỡng; nghỉ việc được sự đồng ý của người sử dụng lao động; đang bị tạm giữ, tạm giam.

B. Đang chờ kết quả của cơ quan có thẩm quyền điều tra xác minh và kết luận đối với hành vi vi phạm được quy định tại khoản 1 Điều 126 của Bộ luật này.

C. Lao động nữ có thai, nghỉ thai sản; người lao động nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 15. Những quy định cấm khi xử lý kỷ luật lao động là gì?

A. Xâm phạm thân thể, nhân phẩm của người lao động.

B. Dùng hình thức phạt tiền, cắt lương thay việc xử lý kỷ luật lao động.

C. Xử lý kỷ luật lao động đối với người lao động có hành vi vi phạm không được quy định trong nội quy lao động.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 16. Tai nạn lao động là gì?

A. Là tai nạn gây tổn thương cơ thể hoặc gây tử vong cho người lao động, xảy ra trong quá trình lao động.

B. Là tai nạn gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể hoặc gây tử vong cho người lao động, xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động. Quy định này được áp dụng đối với cả người học nghề, tập nghề và thử việc.

C. Là tai nạn gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể hoặc gây tử vong cho người lao động, xảy ra trong quá trình lao động.

Câu 17. Thời gian nghỉ thai sản của lao động nữ được quy định ra sao?

A. Lao động nữ được nghỉ trước và sau khi sinh con là 06 tháng. Trường hợp lao động nữ sinh đôi trở lên thì tính từ con thứ 02 trở đi, cứ mỗi con, người mẹ được nghỉ thêm 01 tháng. Thời gian nghỉ trước khi sinh tối đa không quá 02 tháng.

B. Lao động nữ được nghỉ trước và sau khi sinh con là 05 tháng. Trường hợp lao động nữ sinh đôi trở lên thì tính từ con thứ 02 trở đi, cứ mỗi con, người mẹ được nghỉ thêm 01 tháng. Thời gian nghỉ trước khi sinh tối đa không quá 03 tháng.

C. Lao động nữ được nghỉ trước và sau khi sinh con là 04 tháng. Trường hợp lao động nữ sinh đôi trở lên thì tính từ con thứ 02 trở đi, cứ mỗi con, người mẹ được nghỉ thêm 01 tháng. Thời gian nghỉ trước khi sinh tối đa không quá 01 tháng.

Câu 18. Những công việc nào sau đây không được sử dụng lao động nữ?

A. Công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh đẻ và nuôi con theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Bộ Y tế ban hành; công việc phải ngâm mình thường xuyên dưới nước; công việc làm thường xuyên dưới hầm mỏ.

B. Công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc chỗ làm việc, công việc ảnh hưởng xấu tới nhân cách của họ theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Bộ Y tế ban hành.

C. Công việc nơi ô nhiễm môi trường.

Câu 19. Trường hợp nào dưới đây là lao động chưa thành niên?

A. Người lao động dưới 18 tuổi.

B. Người lao động dưới 16 tuổi.

C. Người lao động dưới 15 tuổi.

Câu 20. Cơ quan, cá nhân nào có thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động cá nhân?

A. Hòa giải viên lao động.

B. Tòa án nhân dân.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Hội đồng hòa giải lao động cơ sở hoặc hòa giải viên lao động.

B. NỘI DUNG TÌM HIỂU VỀ LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI NĂM 2014

Câu 21. Bảo hiểm xã hội là gì?

A. Là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội.

B. Là sự chia sẻ rủi ro và các nguồn quỹ nhằm bảo vệ người lao động khi họ không còn khả năng làm việc.

C. Là sự bảo vệ của xã hội đối với các thành viên của mình khi họ gặp khó khăn do bị mất hoặc giảm thu nhập gây ra bởi ốm đau, mất khả năng lao động, tuổi già, tàn tật và chết.

Câu 22. Hiện nay, người lao động tham gia BHXH bắt buộc được hưởng những chế độ nào?

A. Ốm đau, thai sản, tử tuất, tai nạn lao động.

B. Ốm đau, thai sản, hưu trí, tử tuất.

C. Ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hưu trí, tử tuất.

Câu 23. Trường hợp nào sau đây người lao động được hưởng chế độ ốm đau khi đóng BHXH?

A. Bị ốm đau, tai nạn mà không phải là tai nạn lao động phải nghỉ việc và có xác nhận của cơ sở khám, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế.

B. Phải nghỉ việc để chăm sóc con dưới 07 tuổi bị ốm đau và có xác nhận của cơ sở khám, chữa bệnh có thẩm quyền.

C. Cả hai trường hợp trên.

Câu 24. Chị B đóng BHXH được 5 năm thì sinh đôi 2 bé. Thời gian nghỉ theo chế độ thai sản của chị B là bao lâu?

- A. 06 tháng cả trước và sau khi sinh.
- B. 07 tháng cả trước và sau khi sinh.
- C. 08 tháng cả trước và sau khi sinh.

Câu 25. Chị M đang nghỉ sinh con theo chế độ thai sản. Chị dự định đi làm lại khi chưa hết thời gian nghỉ thì phải đáp ứng điều kiện gì?

- A. Sau khi đã nghỉ hưởng chế độ ít nhất được 02 tháng + phải báo trước và được người sử dụng lao động đồng ý.
- B. Sau khi đã nghỉ hưởng chế độ ít nhất được 03 tháng + phải báo trước và được người sử dụng lao động đồng ý.
- C. Sau khi đã nghỉ hưởng chế độ ít nhất được 04 tháng + phải báo trước và được người sử dụng lao động đồng ý.

Câu 26. Người lao động được hưởng chế độ tai nạn lao động khi bị suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên trong các trường hợp nào sau đây:

- A. Tại nơi làm việc và trong giờ làm việc.
- B. Ngoài nơi làm việc hoặc ngoài giờ làm việc khi thực hiện công việc theo yêu cầu của người sử dụng lao động.
- C. Trên tuyến đường đi và về từ nơi ở đến nơi làm việc trong khoảng thời gian và tuyến đường hợp lý.
- D. Cả 3 trường hợp trên.

Câu 27. Người lao động được hưởng chế độ bệnh nghề nghiệp khi thỏa mãn điều kiện nào sau đây:

- A. Bị bệnh thuộc danh mục bệnh nghề nghiệp do Bộ Y tế và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành khi làm việc trong môi trường hoặc nghề có yếu tố độc hại.
- B. Suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên do bị bệnh thuộc danh mục bệnh nghề nghiệp do Bộ Y tế và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành khi làm việc trong môi trường hoặc nghề có yếu tố độc hại.
- C. Thỏa mãn cả hai điều kiện trên.

Câu 28. Người lao động làm việc trong điều kiện bình thường được hưởng lương hưu khi nào?

- A. Nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi và có đủ 17 năm đóng BHXH trở lên.
- B. Nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi và có đủ 20 năm đóng BHXH trở lên.
- C. Nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi và có đủ 23 năm đóng BHXH trở lên.

Câu 29. Trường hợp nào sau đây người lao động đang đóng BHXH bắt buộc được hưởng BHXH 1 lần?

A. Ra nước ngoài để định cư.

B. Đang bị mắc một trong những bệnh nguy hiểm đến tính mạng như ung thư, bại liệt, xơ gan cổ chướng, phong, lao nặng, nhiễm HIV đã chuyển sang giai đoạn AIDS và những bệnh khác theo quy định của Bộ Y tế.

C. Cả hai trường hợp trên

Câu 30. Người lao động tham gia BHXH tự nguyện mỗi tháng đóng bao nhiêu?

A. 20% mức thu nhập tháng do người lao động lựa chọn để đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất.

B. 22% mức thu nhập tháng do người lao động lựa chọn để đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất.

C. 25% mức thu nhập tháng do người lao động lựa chọn để đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất.

PHẦN II. XỬ LÝ TÌNH HUỐNG

Chị M là công nhân Công ty A, đã có 01 con. Khi hết hạn hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng, chị M đang tiến hành các thủ tục để giao kết Hợp đồng lao động loại không xác định thời hạn. Do công ty có số lượng lao động nữ đông lại chủ yếu là lao động trong độ tuổi sinh đẻ, nên trong dự thảo Hợp đồng lao động chuẩn bị ký kết có ghi nội dung “*Sau ít nhất 24 tháng thực hiện Hợp đồng lao động mới được sinh con*”.

Theo anh, chị quy định như vậy là đúng hay sai? Nếu là chị M, anh, chị sẽ xử lý tình huống này như thế nào?

(Được biết khi làm việc ở Công ty A chị M rất hài lòng về mức lương và các chế độ phúc lợi mà công ty chi trả).

PHẦN III. TỰ LUẬN

Anh, chị hãy cho biết thực trạng thực thi pháp luật lao động, bảo hiểm xã hội tại cơ quan, đơn vị, địa phương anh, chị đang công tác? Anh, chị hãy đề xuất giải pháp để việc thực thi pháp luật lao động, bảo hiểm xã hội tại cơ quan, đơn vị, địa phương anh, chị được hiệu quả hơn?

HẾT./

